TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 750/2020/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 29 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1034/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phan Văn N, sinh năm 1997; HKTT: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nơi làm việc: Công ty TNHH H – Chi nhánh T; địa chỉ: Khu phố Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1993; HKTT: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị Hồng T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2018, ngày 16/4/2018.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông N và bà T chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp nhau, cả hai đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, hàn gắn tình cảm, phân tích đúng sai nhưng vợ chồng không tìm lại được tiếng nói chung. Ông N và bà T đã sống riêng từ tháng 4 năm 2019 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện tại, ông N và bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông N và bà T có 01 người con chung tên Phan Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 11/12/2017, cả hai thống nhất: Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Hồng T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phan Văn N không cấp dưỡng nuôi con, bà T tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị Hồng T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị Hồng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 11/12/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phan Văn N không cấp dưỡng nuôi con, bà T tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0047263 ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Phòng Tư pháp thành phố Thuận An;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp *(theo Giấy CNKH số 12/2018, ngày 16/4/2018)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Ánh